TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2021/HN&GĐ-ST
Ngày 29/6/2021.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Trịnh Công Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/5/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 70/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2021, bản tự khai ngày 18/3/2021 của nguyên đơn anh Bùi Văn T thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có giấy đăng ký kết hôn do UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/10/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con nên tâm lý chán nản, thường xuyên sảy ra cãi vã với

nhau. Mặc dù được hai bên gia đình hoà giải và vợ chồng đã cố gắng thay đổi nhưng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2014 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa nên đề nghị Toà án nhân dân huyện H xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con: Anh Bùi Văn T xác định vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu của anh T, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T và sự có mặt của chị T tại nơi cư trú.

Toà án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ chị T) cho biết: Anh Bùi Văn T và chị Lê Thị T đến với nhau do hai bên tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống được sự đồng ý của hai bên gia đình và được UBND xã Đ cấp đăng ký kết hôn năm 2012. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không có con chung nên mới sảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T và chị T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không ai quan tâm đến ai. Năm 2018 chị T có về làm đơn gửi lên UBND xã Đ xin ly hôn anh Bùi Văn T nhưng khi đó anh T không có ở nhà nên không ly hôn được nên chị T vào miền nam làm ăn. Cuối năm 2020 chị T có báo với gia đình biết là đã lấy chồng và tổ chức cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Gia đình bà có nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập gửi cho chị T, bà đã báo cho chị T, nhưng hiện nay vì công việc bận nên chị T không thể về Tòa án giải quyết, gia đình chỉ biết chị T đang làm ở miền nam không rõ địa chỉ nên không cung cấp cho Toà án được. Chị T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt và bà sẽ có trách nhiệm nhận và thông báo lại cho chị T được biết toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Toà án đã giao cho bà.

Biên bản xác minh ngày 25/3/2021 tại thôn H và UBND xã Đ:

Chị T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện H. Hiện tại chị T đang đi làm ăn không có mặt tại địa phương, thi thoảng chị T có về. Chị T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua số điện thoại, gia đình có thông báo cho chị T biết việc anh T làm đơn xin ly hôn nhưng vì công việc nên không thể về được nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, còn địa chỉ cụ thể chị T ở đâu địa phương không biết.

Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân theo đúng quy định của pháp luật. Chị T biết việc anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị nhưng chị T cố tình không đến Toà án để làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn anh Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Bùi Văn T khởi kiện ly hôn chị Lê Thị T có nơi cư trú tại thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày ngày 15/10/2012, như vậy hôn nhân giữa anh T và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung, hai bên đã đi chạy chữa nhiều nơi mà không có kết quả dẫn tới vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trung đề nghị được ly hôn.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho chị T đến Tòa án để làm việc nhưng chị T vắng mặt mà không có lý do. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân của chị T theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án chị T không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của chị T như thế nào, theo thông tin từ gia đình chị T và cán bộ tư pháp xã Đ cho biết chị T có ý định ly hôn anh T từ năm 2018 và đã có đơn gửi lên UBND xã Đ nhưng do khi đó anh T không có mặt ở địa phương nên không giải quyết được, chị T đã vào miền nam làm ăn và lập gia đình mới trong đó nhưng chưa làm thủ

tục đăng ký kết hôn được. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chấp nhận đơn ly hôn của anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay và theo biên bản xác định tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 25/3/2021.

[3] Về con*:* Anh Bùi Văn T xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện H đã triệu tập chị Lê Thị T nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do. Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân của chị T, người thân đã cam đoan sẽ thông báo lại nội dung các văn bản của Tòa án cho chị T nhưng chị cố tình không đến Toà án để làm việc, nên vụ án không tiến hành hoà giải được.

Ngày 04/6/2021, Tòa án nhân dân huyện H đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa vắng mặt chị Lê Thị T lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 29/6/2021. Quyết định hoãn phiên toà đã được tống đạt hợp lệ cho chị T. Tại phiên tòa chị T vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[6].Về án phí: Buộc anh Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Vắng mặt anh Bùi Văn T và chị Lê Thị T.

* Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Văn T.

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn chị Lê Thị T.

Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008229 ngày 08 tháng 3 năm

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (Anh T đã nộp đủ tiền án phí).

Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn T và chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga